

ĐỀ SỐ 1

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Có công mài sắt, có ngày nên kim*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 4).

- Đọc đoạn 3 và 4.
- Trả lời câu hỏi: *Câu chuyện em vừa đọc đã khuyên em điều gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Ngày hôm qua đâu rồi?*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 10).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Bạn nhỏ hỏi bố điều gì?

- a. Tờ lịch cũ đâu rồi?
- b. Ngày hôm qua đâu rồi?
- c. Hoa trong vườn đâu rồi?
- d. Hạt lúa mẹ trồng đâu rồi?

2. Người bố trả lời như thế nào trước câu hỏi của bạn nhỏ?

- a. Ngày hôm qua ở lại trên cành hoa trong vườn.
- b. Ngày hôm qua ở lại trong hạt lúa mẹ trồng.
- c. Ngày hôm qua ở lại trong vớ hồng của con.
- d. Tất cả các ý trên.

3. Bài thơ muốn nói với em điều gì?

- a. Thời gian rất cần cho bố.
- b. Thời gian rất cần cho mẹ.
- c. Thời gian rất đáng quý, cần tận dụng thời gian để học tập và làm điều có ích.
- d. Thời gian là vô tận cứ để thời gian trôi qua.

4. Từ nào chỉ đồ dùng học tập của học sinh?

- a. Tờ lịch.
- b. Vớ.
- c. Cành hoa.

ĐỀ SỐ 2

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Làm việc thật là vui*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 16).

- Đọc đoạn cuối (Từ “*Như mọi vật ... đến cũng vui*”).
- Trả lời câu hỏi: *Em bé trong bài làm được những việc gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Phần thưởng.*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 13).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Câu chuyện nói về ai?

- a. Bạn Minh.
- b. Bạn Na.
- c. Cô giáo.
- d. Bạn Lan.

2. Bạn Na có đức tính gì?

- a. Học giỏi, chăm chỉ.
- b. Thích làm việc.
- c. Tốt bụng, hay giúp đỡ bạn bè.
- d. Nhường nhịn bạn bè, có tinh thần vượt khó.

3. Vì sao bạn Na được nhận thưởng?

- a. Na ngoan ngoãn, tốt bụng, biết san sẻ và giúp đỡ các bạn.
- b. Na học giỏi đều các môn.
- c. Na là một cán bộ lớp.
- d. Na biết nhường nhịn các bạn.

4. Khi Na nhận thưởng, những ai vui mừng?

- a. Bố Na.
- b. Mẹ Na.
- c. Bạn học cùng lớp với Na.

ĐỀ SỐ 3

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: **Bạn của Nai Nhỏ** (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 22).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.
- Trả lời câu hỏi: *Nai nhỏ xin phép cha đi đâu? Cha Nai Nhỏ nói gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: **Gọi bạn** (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 28).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Đôi bạn Bê Vàng và Dê Trắng sống ở đâu?

- a. Trong trang trại.
- b. Trong rừng.
- c. Trong một chuồng nuôi gia súc của nhà nông.
- d. Trong một lều trại nhỏ bên dòng suối.

2. Vì sao Bê Vàng phải đi tìm cỏ?

- a. Trời hạn hán kéo dài.
- b. Suối cạn, cỏ héo khô.
- c. Bê Vàng và Dê Trắng không có cái để ăn.
- d. Tất cả các ý trên.

3. Khi Bê Vàng quên đường về, Dê Trắng làm gì?

- a. Dê trắng rất thương bạn.
- b. Dê trắng rất nhớ bạn.
- c. Dê trắng chạy khắp nơi tìm Bê Vàng.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Vì sao đến bây giờ Dê Trắng vẫn kêu “ Bê! Bê! ”?

- a. Dê Trắng đã tìm được bạn.
- b. Chưa tìm thấy bạn.
- c. Mừng rỡ khi gặp bạn.
- d. Xúc động khi gặp bạn.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 31).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.
- Trả lời câu hỏi: *Vì sao Hà khóc? Nghe lời thầy, Tuấn đã làm gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: Trên chiếc bè

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 34).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Đế Mèn và Đế Trũi đi chơi xa bằng cách gì?

- a. Đi bằng thuyền.
- b. Đi bằng đôi cánh.
- c. Đi bằng việc ghép ba bốn lá bèo sen lại thành một cái bè.
- d. Tất cả các ý trên.

2. Trên đường đi, các bạn nhìn thấy mấy con vật?

- a. Một.
- b. Hai.
- c. Ba.
- d. Bốn.

3. Những từ ngữ nào chỉ thái độ khâm phục của các con vật đối với Đế Mèn và Đế Trũi?

- a. Bái phục.
- b. Âu yếm.
- c. Hoan nghênh.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Cuộc đi chơi của Đế Mèn và đế Trũi có gì thú vị?

- a. Gặp nhiều cảnh đẹp ở dọc đường.
- b. Mở rộng tầm hiểu biết.
- c. Được bạn bè hoan nghênh, thán phục.
- d. Tất cả các ý trên.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Tập chép): (5 điểm)

ĐỀ SỐ 5

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Chiếc bút mực*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 40).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.
- Trả lời câu hỏi: *Trong truyện có mấy nhân vật? Họ là ai?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Cái trống trường em* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 45).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Bạn học sinh xưng hô, trò chuyện như thế nào với cái trống?

- a. Gọi tên, xưng hô và trò chuyện thân mật.
- b. Xưng hô trò chuyện không thân mật.
- c. Xem trống như một đồ vật không bổ ích.
- d. Xem trống như món ăn tinh thần.

2. Tìm hai từ chỉ hoạt động của cái trống:

- a. Mừng vui, lặng im.
- b. Ngấm nghĩ, gọi.
- c. Nghiêng, vui.
- d. Buồn, vang.

3. Tìm hai từ chỉ người có trong bài thơ:

- a. Trống, em.
- b. Trường, gió.
- c. Mình, chúng em.
- d. Giọng, bọn.

4. Vì sao các bạn học trò rất yêu quý cái trống trường

- a. Trống gắn bó với các bạn.
- b. Trống là vật sử dụng có ích trong nhà trường.
- c. Trống là tài sản của nhà trường.
- d. Tất cả các ý trên.

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 48).

- Đọc đoạn 4.
- Trả lời câu hỏi: *Bạn gái nghe thấy mẩu nói gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: Ngôi trường mới

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 50).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Tác giả tả ngôi trường theo thứ tự nào?

- a. Từ xa đến gần.
- b. Từ gần đến xa.
- c. Từ sáng đến trưa.
- d. Từ trưa đến chiều.

2. Những câu nào tả vẻ đẹp của ngôi trường?

- a. Những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.
- b. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế xoan đào nổi vân như lụa.
- c. Tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.
- d. Cả 3 ý trên.

3. Dưới mái trường mới, bạn học sinh cảm thấy có gì mới?

- a. Tiếng trống rung động kéo dài.
- b. Tiếng cô giáo trang nghiêm và ấm áp.
- c. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang đến lạ.
- d. Các ý trên đều đúng.

4. Học dưới ngôi trường mới bạn học sinh có những cảm nhận gì?

- a. Nhìn ai cũng thấy thân thương.
- b. Nhìn mọi vật đều thấy thân thương.
- c. Các đồ dùng như chiếc thước kẻ, chiếc bút chì cũng rất đáng yêu.
- d. Tất cả các ý trên.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Chính tả (Tập chép): (5 điểm)

Bài viết: Mẩu giấy vụn

ĐỀ SỐ 7

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Cô giáo lớp em*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 60).

- Đọc khổ thơ 2 và 3.
- Trả lời câu hỏi: *Những từ ngữ nào nói lên tình cảm của học sinh đối với cô giáo?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Người thầy cũ*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 56).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Bố Dũng đến trường làm gì?

- a. Thăm các thầy (cô) giáo trong nhà trường.
- b. Để gặp thầy chủ nhiệm của Dũng.
- c. Để chào thầy giáo cũ của bố Dũng.
- d. Để đưa Dũng đi học.

2. Khi gặp thầy giáo cũ, bố Dũng thể hiện sự kính trọng như thế nào?

- a. Lấy mũ, lễ phép chào thầy.
- b. Nhắc kính, chớp mắt ngạc nhiên rồi chào thầy.
- c. Tươi cười, vui vẻ khi chào thầy.
- d. Xúc động khi chào thầy.

3. Bố Dũng nhớ nhất kỉ niệm gì về thầy?

- a. Trèo cửa sổ lớp bị thầy bắt gặp.
- b. Thầy không phạt mà chỉ buồn.
- c. Thầy khuyên “trước khi làm việc gì, cần phải suy nghĩ”.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Câu “Chú tìm đến lớp của con mình để chào thầy giáo cũ” thuộc mẫu câu nào?

- a. Ai là gì?
- b. Ai làm gì?
- c. Ai thế nào?

ĐỀ SỐ 8

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: **Người mẹ hiền** (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 63).

- Đọc đoạn 1 và 2.
- Trả lời câu hỏi: *Giờ ra chơi, Minh rủ Nam đi đâu?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: **Bàn tay dịu dàng** (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 66).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Vì sao An nghỉ học mấy ngày liền?

- a. Bị ốm.
- b. Bà An mất.
- c. Bị thầy giáo phạt.
- d. Không thích đi học.

2. Vì sao thầy giáo không trách An khi biết bạn ấy chưa làm bài?

- a. Gia đình An có chuyện buồn, thầy thông cảm cho An.
- b. An bị ốm.
- c. Thầy không muốn phê bình An vì bạn ấy học rất giỏi.
- d. Thầy giáo không quan tâm đến A.

3. Tìm những từ ngữ hoặc câu văn thể hiện tình cảm của thầy giáo đối với An.

- a. Nhẹ nhàng xoa đầu.
- b. Bàn tay thầy dịu dàng.
- c. Đầy trùi mến, thương yêu.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Từ nào có thể thay thế cho từ “lặng lẽ” trong bài?

- a. Trầm ngâm.
- b. Vắng vẻ.
- c. Hiền từ.
- d. Không có từ nào.

B. Kiểm tra viết: (10 điểm)

ĐỀ SỐ 9

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: Bài hát trồng cây

Ai trồng cây,
Người đó có tiếng hát
Trên vòm cây
Chim hót lời mê say.

Ai trồng cây
Người đó có ngọn gió
Rung cành cây
Hoa lá đùa lay lay

Ai trồng cây
Người đó có bóng mát
Trong vòm cây
Quên nắng xa đường dài.

Ai trồng cây
Người đó có hạnh phúc
Mong chờ cây
Mau lớn theo từng ngày.

Ai trồng cây ...
Em trồng cây ...
Em trồng cây

(Bé Kiến Quốc)

Trả lời câu hỏi: *Trồng cây đem lại lợi ích gì cho con người?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: Đôi bạn

Búp Bê làm việc suốt ngày, hết quét nhà lại rửa bát, nấu cơm.

Lúc ngồi nghỉ, Búp Bê bỗng nghe có tiếng hát rất hay. Nó bèn hỏi:

- Ai hát đây?

Có tiếng trả lời:

- Tôi hát đây. Tôi là Dế Mèn. Thấy bạn vất vả, tôi hát để tặng bạn đây.

Búp Bê nói:

- Cảm ơn bạn. Tiếng hát của bạn làm tôi hết mệt.

(Theo Nguyễn Kiên)

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Búp Bê làm những việc gì?

- a. Quét nhà, học bài.
- b. Ca hát.
- c. Cho lợn, gà ăn.
- d. Quét nhà, rửa bát, nấu cơm.

2. Dế mèn hát để làm gì?

- a. Luyện giọng hát hay.
- b. Thấy bạn vất vả, hát để tặng bạn.
- c. Khuyên bạn không làm việc nữa.
- d. Cho bạn biết mình hát hay.

3. Khi nghe Dế Mèn nói, Búp Bê đã làm gì?

- a. Cảm ơn Dế Mèn.
- b. Ca ngợi Dế Mèn.
- c. Thán phục Dế Mèn.
- d. Cảm ơn và khen ngợi Dế Mèn.

4. Vì sao Búp Bê cảm ơn Dế Mèn?

- a. Vì Dế Mèn đã hát tặng Búp Bê.
- b. Dế Mèn thấy thương Búp Bê vất vả.
- c. Tiếng hát của Dế Mèn giúp Búp Bê hết mệt.
- d. Tất cả các ý trên.

ĐỀ SỐ 10

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Sáng kiến của bé Hà*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 78).

- Đọc đoạn 3.
- Trả lời câu hỏi: *Hà đã tặng ông bà món quà gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Thương ông*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 83).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Chân ông đau như thế nào?

- a. Sung, tấy.
- b. Đi phải chống gậy.
- c. Bước lên thêm rất khó.
- d. Tất cả các ý trên.

2. Bé Việt làm gì để giúp và an ủi ông?

- a. Đỡ ông lên thêm.
- b. Bày cho ông nói câu “không đau ... không đau ...” để khỏi thấy đau.
- c. Biếu ông cái kẹo.
- d. Tất cả các ý trên.

3. Em có cảm nhận điều gì về bé Việt?

- a. Việt nhỏ nhưng biết thương ông, biết giúp đỡ và an ủi ông khi ông đau.
- b. Việt chăm làm, biết giúp đỡ bố mẹ.
- c. Việt chưa biết giúp ông vì còn bé.
- d. Việt thích đùa giỡn với mọi người.

4. Câu nào dưới đây được cấu tạo theo mẫu Ai làm gì?

- a. Ông bước lên thêm.
- b. Việt là đứa cháu ngoan.
- c. Ông bị đau chân.